

Phụ lục II

**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
ĐỐI VỚI UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	14.5			
1.1	Thực hiện kế hoạch Cải cách hành chính	1			
	<i>Xây dựng kế hoạch đảm bảo đủ nội dung, đúng thời gian và hoàn thành 100% kế hoạch</i>	<i>1</i>			
	<i>Xây dựng kế hoạch đảm bảo đủ nội dung, đúng thời gian và hoàn thành từ 90% - dưới 100% kế hoạch</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Xây dựng kế hoạch đảm bảo đủ nội dung, đúng thời gian và hoàn thành dưới 90% kế hoạch</i>	<i>0</i>			
1.2	Thực hiện Báo cáo cải cách hành chính định kỳ	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời gian theo quy định</i>	<i>1</i>			
	<i>Thiếu 01 báo cáo hoặc có 01 báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc có 01 báo cáo chưa gửi đúng thời gian quy định</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Thiếu 02 báo cáo trở lên hoặc có 02 báo cáo không đầy đủ nội dung, không gửi đúng thời gian quy định</i>	<i>0</i>			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
1.3	Công tác kiểm tra CCHC	2			
1.3.1	Tỷ lệ UBND cấp xã trực thuộc được kiểm tra trong năm	1			
	<i>Hoàn thành việc kiểm tra từ 20%-30% đơn vị trực thuộc</i>	<i>1</i>			
	<i>Hoàn thành việc kiểm tra từ 10%- dưới 20% đơn vị trực thuộc</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Thực hiện kiểm tra dưới 10% kế hoạch</i>	<i>0</i>			
1.3.2	Có văn bản kết luận và xử lý sau kiểm tra của người có thẩm quyền theo tiến độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1			
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	<i>1</i>			
	<i>Không thực hiện theo quy định</i>	<i>0</i>			
1.4	Tổ chức hội nghị triển khai công tác cải cách hành chính, đánh giá xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính	1			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
1.4.1	Tổ chức hội nghị triển khai công tác cải cách hành chính hàng năm	0.5			
1.4.2	Triển khai đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính các đơn vị, địa phương trực thuộc	0.5			
1.5	Tuyên truyền công tác cải cách hành chính (dù 4 hình thức tuyên truyền)	2			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
1.5.1	Thực hiện tuyên truyền cải cách hành chính thông qua các hình thức: tọa đàm về cải cách hành chính, tổ chức hội nghị tập huấn công tác CCHC; sinh hoạt chuyên đề, biên soạn tờ rơi...	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
1.5.2	Đăng thông tin lên báo/đài truyền thanh, truyền hình.	0.5			
1.5.3	Xây dựng clip truyền thông tuyên truyền về cải cách hành chính.	0.5			
1.5.4	Cung cấp tin, bài và được đăng tải trên Cổng thông tin cải cách hành chính tỉnh (từ 5 tin bài trở lên); Cổng thông tin điện tử của địa phương.	0.5			
1.6	Thực hiện Kế hoạch cải thiện Chỉ số PAPI và SIPAS năm 2024	1			
1.6.1	Đối với cấp huyện: Thực hiện xây dựng Kế hoạch và triển khai tuyên truyền đến các địa phương, đơn vị trực thuộc	0.5			
	<i>Ban hành kế hoạch và triển khai đầy đủ, đúng quy định</i>	0.5			
	<i>Không triển khai thực hiện</i>	0			
1.6.2	Đối với UBND cấp xã: Ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện theo Văn bản chỉ đạo của UBND huyện	0.5			
	<i>100% UBND cấp xã ban hành kế hoạch và triển khai đầy đủ, đúng quy định</i>	0.5			
	<i>Dưới 100% UBND cấp xã không triển khai thực hiện</i>	0			
1.7	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	2			
	<i>Có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên</i>	2			
	<i>Có từ 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên</i>	1			
	<i>Có từ 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới</i>	0.5			
	<i>Không có sáng kiến</i>	0			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
1.8	Thực hiện các nhiệm vụ, công việc được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (Thống kê qua phần mềm theo dõi, giám sát nhiệm vụ của UBND tỉnh)	1.5			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1.5 + (c/a)*1.0$. Trong đó: - a là tổng số nhiệm vụ được giao; - b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ; - c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.</i>				
1.9	Tổ chức đối thoại của người đứng đầu địa phương với người dân và doanh nghiệp	1			
	<i>Có thực hiện trong năm đánh giá</i>	1			
	<i>Không thực hiện</i>	0			
1.10	Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	2			
1.10.1	Báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kết quả cập nhật cơ sở dữ liệu về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên Phần mềm Tiếp công dân, quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo của tỉnh	1			
	<i>Tất cả báo cáo quý đảm bảo đầy đủ nội dung, gửi đúng thời gian quy định và cập nhật đầy đủ cơ sở dữ liệu vào Phần mềm</i>	1			
	<i>Có 01 báo cáo gửi không đúng thời gian quy định hoặc cập nhật thiếu, không đúng (01 hồ sơ) đối với số liệu trong báo cáo so với số liệu tại cơ sở dữ liệu trên Phần mềm</i>	0.5			
	<i>Có 02 báo cáo trở lên gửi không đúng thời gian quy định hoặc cập nhật thiếu, không đúng (02 hồ sơ trở lên) đối với số liệu trong báo cáo so với số liệu tại cơ sở dữ liệu trên Phần mềm</i>	0			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
1.10.2	Kết quả thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực của Chủ tịch UBND tỉnh	1			
	<i>Đã thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, điểm đánh giá</i>	1			
	<i>Đang triển khai thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, điểm đánh giá</i>	0.5			
	<i>Chưa thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điểm đánh giá</i>	0			
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	5			
2.1	Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	2.5			
2.1.1	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ nội dung và đảm bảo thời gian	1			
	<i>Ban hành Kế hoạch đảm bảo về thời gian, chất lượng theo yêu cầu tại Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh</i>	1			
	<i>Ban hành Kế hoạch không đảm bảo về thời gian, chất lượng theo yêu cầu hoặc không ban hành</i>	0			
2.1.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hoặc thay thế văn bản QPPL sau rà soát (nếu có)	0.5			
	<i>Đã xử lý xong số văn bản cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hoặc thay thế văn bản QPPL sau rà soát</i>	0.5			
	<i>Chưa xử lý xong số văn bản cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hoặc thay thế văn bản QPPL sau rà soát</i>	0			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
2.1.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị (nếu có)	1			
	<i>Đơn vị không có văn bản trái pháp luật được kiến nghị xử lý</i>	1			
	<i>Tổ chức thực hiện kịp thời văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị</i>	0.5			
	<i>Không tổ chức thực hiện hoặc không tham mưu xử lý kịp thời văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị</i>	0			
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	2.5			
2.2.1	Xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1			
	<i>Ban hành Kế hoạch đảm bảo về thời gian, chất lượng theo yêu cầu tại Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của UBND tỉnh</i>	1			
	<i>Ban hành Kế hoạch không đảm bảo về thời gian, chất lượng theo yêu cầu hoặc không ban hành</i>	0			
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	1			
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch</i>	0.5			
	<i>Dưới 80% kế hoạch</i>	0			
2.2.3	Xử lý kết quả qua theo dõi thi hành pháp luật	0.5			
	<i>Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả qua theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền</i>	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Ban hành không đầy đủ hoặc không kịp thời các văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả qua theo dõi thi hành pháp luật</i>	0			
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	12.5			
3.1	Thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát TTHC	1.5			
3.1.1	Ban hành và thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC	0.5			
	<i>Ban hành kế hoạch đúng thời gian quy định và hoàn thành đạt 100% kế hoạch đề ra</i>	0.5			
	<i>Ban hành kế hoạch chậm và hoàn thành dưới 100% kế hoạch đề ra</i>	0			
3.1.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	0.5			
	<i>Thực hiện đầy đủ về chất lượng, số lượng và thời gian theo quy định</i>	0.5			
	<i>Không thực hiện đầy đủ, đúng quy định</i>	0			
3.1.3	Có các kiến nghị, đề xuất cải cách TTHC; kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL quy định TTHC	0.5			
	<i>Có kiến nghị, đề xuất</i>	0.5			
	<i>Không có kiến nghị, đề xuất</i>	0			
3.2	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định	2.5			
3.2.1	Thực hiện niêm yết, công khai TTHC đầy đủ, kịp thời đúng quy định tại Trung tâm Hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	1			
	<i>100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định</i>	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Từ 90%- dưới 100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định</i>	0.5			
	<i>Dưới 90% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định</i>	0			
3.2.2	Đơn vị hành chính cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	1			
	<i>100% đơn vị hành chính cấp xã</i>	1			
	<i>Từ 85% - dưới 100% đơn vị hành chính cấp xã</i>	0.5			
	<i>Dưới 85% đơn vị hành chính cấp xã</i>	0			
3.2.3	Các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã (theo Quyết định công bố của UBND tỉnh) được công khai, niêm yết đầy đủ, đúng quy định trên cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử của địa phương, tại nơi giải quyết TTHC	0.5			
	<i>100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định</i>	0.5			
	<i>Dưới 100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định</i>	0			
3.3	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định hành chính và TTHC	1.5			
3.3.1	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (nếu không có phản ánh, kiến nghị được điểm tối đa)	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a: Tổng số kiến nghị phải trả lời. - b: Số kiến nghị đã được trả lời. <p>** Trường hợp $a=0$ thì đạt điểm tối đa.</p>				
	Không đầy đủ thông tin theo quy định	0			
3.3.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của huyện	0.5			
	100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng quy định	0.5			
	Dưới 100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng quy định	0			
3.4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	6			
3.4.1	Tỉ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	1			
	100% số lượng TTHC (trừ TTHC quy định không thực hiện theo cơ chế một cửa, nếu có)	1			
	Từ 90% - dưới 100% số lượng TTHC	0.5			
	Dưới 90% số lượng TTHC	0			
3.4.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>100% số đơn vị cấp xã thực hiện đúng quy định</i>	<i>1</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Dưới 80% số đơn vị</i>	<i>0</i>			
3.4.3	Cập nhật thông tin hồ sơ giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử	1			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
	Thực hiện việc: "tiếp nhận hồ sơ đầu vào số hóa" mới đảm bảo đúng quy định theo Quyết định số 468/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ	0.5			
	Cập nhật đầy đủ tiến trình, kết quả giải quyết TTHC số hóa vào phần mềm một cửa điện tử	0.5			
3.4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện xử lý đúng hạn (Đánh giá theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh)	2			
	<i>Xếp loại xuất sắc</i>	<i>2</i>			
	<i>Xếp loại Tốt</i>	<i>1.5</i>			
	<i>Xếp loại Khá</i>	<i>1</i>			
	<i>Xếp loại Trung bình</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Xếp loại Yếu</i>	<i>0</i>			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
3.4.5	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm. b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn.</i>				
	<i>Trường hợp tỷ lệ b/a < 0.95 thì điểm đánh giá</i>	0			
3.5	Thực hiện quy định về thư xin lỗi trong trường hợp giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn (cấp huyện và cấp xã)	1			
	<i>Đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định không có phát sinh hồ sơ trễ hạn</i>	1			
	<i>Thực hiện thư xin lỗi đối với 100% hồ sơ TTHC trễ hạn theo đúng quy định</i>	0.5			
	<i>Thực hiện thư xin lỗi dưới 100% hồ sơ TTHC trễ hạn</i>	0			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	7			
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của Tỉnh về tổ chức bộ máy	2			
4.1.1	Hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc địa phương	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Thực hiện đúng theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ chuyên ngành và theo chỉ đạo của tỉnh</i>	1			
	<i>Không thực hiện đúng theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ chuyên ngành và theo chỉ đạo của tỉnh</i>	0			
4.1.2	Thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc	1			
	<i>100% phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó</i>	1			
	<i>Dưới 100% phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó</i>	0			
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	2			
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1			
	<i>Sử dụng đúng quy định, không vượt quá số người được giao</i>	1			
	<i>Sử dụng không đúng quy định, vượt quá số người được giao</i>	0			
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố	1			
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao</i>	1			
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao</i>	0			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý, ủy quyền trong quản lý nhà nước	3			
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Nam và Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam	1			
	<i>Ban hành các văn bản quy định cụ thể về nội dung phân cấp, ủy quyền</i>	<i>1</i>			
	<i>Chưa thực hiện</i>	<i>0</i>			
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân cấp, ủy quyền	1			
	<i>Có thực hiện theo quy định</i>	<i>1</i>			
	<i>Không thực hiện</i>	<i>0</i>			
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1			
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	<i>1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý</i>	<i>0</i>			
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	10.5			
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2			
5.1.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về VTVL của cơ quan, đơn vị trực thuộc trong phạm vi quản lý của đơn vị (sau khi Bộ, ngành ban hành Danh mục VTVL)	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian quy định</i>	<i>1</i>			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Chưa thực hiện đầy đủ, không kịp thời theo quy định</i>	0			
5.1.2	Tỷ lệ phòng, ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc bố trí công chức, viên chức theo VTVL đã được phê duyệt	1			
	<i>100% số phòng, ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc</i>	1			
	<i>Từ 80%- dưới 100% số phòng, ban đơn vị sự nghiệp trực thuộc</i>	0.5			
	<i>Dưới 80% số phòng, ban đơn vị sự nghiệp trực thuộc</i>	0			
5.2	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc	1.5			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
5.2.1	100% lãnh đạo các phòng chuyên môn và tương đương bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.	0.5			
5.2.2	100% lãnh đạo tại các tổ chức bên trong các ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.	0.5			
5.2.3	100% lãnh đạo các phòng chuyên môn và tương đương; các tổ chức bên trong các ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện bổ nhiệm lại đúng thời gian quy định	0.5			
5.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính	2			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
5.3.1	Trong năm không có lãnh đạo cấp huyện và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên (kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu)	0.5			
5.3.2	Trong năm không có lãnh đạo cấp phòng, ban và tương đương trực thuộc cấp huyện bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên (kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu)	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
5.3.3	Trong năm không có lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên (kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu)	0.5			
5.3.4	Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên (kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu)	0.5			
5.4	Thực hiện cập nhật đầy đủ và kịp thời thông tin cán bộ, công chức, viên chức trên Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức (kể cả đơn vị trực thuộc)	1			
	<i>100% hồ sơ được cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trên Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức</i>	<i>1</i>			
	<i>Từ 90% đến dưới 100% hồ sơ được cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trên Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Tỷ lệ dưới 90% hồ sơ cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trên Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức</i>	<i>0</i>			
5.5	Chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức	1			
5.5.1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác	0.5			
	<i>Thực hiện ban hành kế hoạch đúng quy định</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Không ban hành kế hoạch</i>	<i>0</i>			
5.5.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch	0.5			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Tỷ lệ hoàn thành dưới 100% kế hoạch</i>	<i>0</i>			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
5.6	Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành của tỉnh	1			
5.6.1	Triển khai thực hiện đánh giá công chức, viên chức hàng tháng theo quy định của tỉnh	0.5			
	<i>Triển khai thực hiện đầy đủ theo đúng quy định</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Chưa triển khai thực hiện</i>	<i>0</i>			
5.6.2	Triển khai thực hiện đánh giá công chức, viên chức hàng năm theo quy định của tỉnh	0.5			
	<i>Triển khai thực hiện đầy đủ theo đúng quy định</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Chưa triển khai thực hiện</i>	<i>0</i>			
5.7	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1			
5.7.1	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm	0.5			
	<i>Xây dựng kế hoạch đúng quy định, kịp thời</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Xây dựng kế hoạch không đúng quy định hoặc không kịp thời</i>	<i>0</i>			
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	0.5			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 100% kế hoạch</i>	<i>0</i>			
5.8	Cán bộ, công chức cấp xã	1			
5.8.1	Cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định</i>	0.5			
	<i>Dưới 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định</i>	0			
5.8.2	Công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	0.5			
	<i>100% công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định</i>	0.5			
	<i>Dưới 100% công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định</i>	0			
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	9.5			
6.1	Xây dựng, công khai dự toán và báo cáo quyết toán tài chính hàng năm theo quy định	2			
6.1.1	Lập dự toán ngân sách hàng năm	0.5			
	<i>Lập và gửi dự toán cho cơ quan tài chính cùng cấp đảm bảo thời gian, đầy đủ và đúng biểu mẫu theo quy định</i>	0.5			
	<i>Lập, gửi dự toán cho cơ quan tài chính cùng cấp không đảm bảo thời gian, không đầy đủ và không đúng biểu mẫu theo quy định</i>	0			
6.1.2	Thực hiện công khai ngân sách	0.5			
	<i>Thực hiện công khai ngân sách đầy đủ, đúng quy định</i>	0.5			
	<i>Thực hiện công khai ngân sách không đầy đủ, không đúng quy định</i>	0			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
6.1.3	Tình hình chấp hành dự toán và quyết toán	1			
	Thực hiện phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc đúng quy định, đầy đủ biểu mẫu và đúng thời gian quy định.	0.5			
	Lập và nộp Báo cáo quyết toán năm đúng quy định, đầy đủ biểu mẫu, thời gian theo quy định	0.5			
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1			
	<i>Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá</i>	1			
	<i>Có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá</i>	0			
6.3	Thực hiện quy định về sử dụng tài sản công	2.5			
6.3.1	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	1			
	<i>Đã ban hành đầy đủ theo quy định (kể cả các đơn vị trực thuộc)</i>	1			
	<i>Chưa ban hành</i>	0			
6.3.2	Thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	1			
	<i>Thực hiện đảm bảo các quy định về quản lý tài sản công</i>	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Đơn vị báo cáo không đầy đủ theo đề nghị của cơ quan thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0.5			
	<i>Có sai phạm về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị được cơ quan thẩm quyền có văn bản kết luận</i>	0			
6.3.3	Cập nhật số liệu và báo cáo kết quả rà soát, chuẩn hóa tài sản công trên Cơ sở dữ liệu quốc gia	0.5			
	<i>Thực hiện báo cáo theo quy định</i>	0.5			
	<i>Không thực hiện</i>	0			
6.4	Thực hiện thu ngân sách trên địa bàn (tính giao huyện thu, trừ thu tiền sử dụng đất)	2			
	<i>Vượt dự toán tỉnh giao từ 115% trở lên</i>	2			
	<i>Đạt từ 110% đến dưới 115% dự toán tỉnh giao</i>	1.5			
	<i>Đạt 105% đến dưới 110% dự toán tỉnh giao</i>	1			
	<i>Đạt 100% đến dưới 105% dự toán tỉnh giao</i>	0.5			
	<i>Không đạt dự toán tỉnh giao</i>	0			
6.5	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1			
	<i>Thực hiện đạt tỷ lệ từ 70% trở lên</i>	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Thực hiện đạt tỷ lệ từ 50% đến dưới 70%</i>	0.5			
	<i>Thực hiện đạt tỷ lệ dưới 50%</i>	0			
6.6	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1			
	<i>Thực hiện kiến nghị đạt từ 80% đến 100% hoặc không có các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách</i>	1			
	<i>Thực hiện kiến nghị đạt từ 60% - dưới 80%</i>	0.5			
	<i>Thực hiện kiến nghị đạt từ dưới 60%</i>	0			
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	13			
7.1	Thực hiện số hóa, luân chuyển, xử lý văn bản đi/đến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	1			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
7.1.1	Tất cả văn bản đi/đến được số hóa, luân chuyển, xử lý trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	0.5			
7.1.2	Tất cả văn bản đi/đến được tham mưu, xét duyệt trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	0.5			
7.2	Sử dụng chữ ký số trên văn bản điện tử	0.5			
	<i>100% văn bản điện tử do cơ quan phát hành có đầy đủ chữ ký số cơ quan và chữ ký số của lãnh đạo cơ quan</i>	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Văn bản điện tử do cơ quan phát hành không có đầy đủ 02 chữ ký số (cơ quan và lãnh đạo)</i>	0			
7.3	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo qua Hệ thống thông tin, báo cáo của tỉnh, Văn phòng Chính phủ	0.5			
	<i>Thực hiện đầy đủ các loại báo cáo theo yêu cầu trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh</i>	0.5			
	<i>Chưa thực hiện</i>	0			
7.4	Thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong giải quyết TTHC	2			
7.4.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $b/a \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: - a: là tổng số dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình. - b là số lượng dịch vụ trực tuyến toàn trình. **** Nếu $b/a < 0.9$ điểm đánh giá là 0</i>				
7.4.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $b/a \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: - a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm cả toàn trình và một phần). - b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình.</i>				
7.5	Thực hiện thanh toán trực tuyến đối với TTHC đủ điều kiện	3			
7.5.1	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến (Chỉ áp dụng đối với các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và có đủ điều kiện thực hiện thanh toán trực tuyến)	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<p>Tính điểm theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính; - b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến. <p>**** Nếu $b/a < 0.8$ điểm đánh giá là 0</p>				
7.5.2	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	1			
	<p>Tính điểm theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số TTHC đủ điều kiện triển khai thanh toán trực tuyến; - b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến. 				
7.5.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC thanh toán trực tuyến (Phạm vi thống kê là các hồ sơ đã giải quyết của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính đang triển khai cung cấp trực tuyến).	1			
	<p>Tính điểm theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá; - b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến. 				
7.6	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	1.5			
7.6.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	0.5			
	Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ</i>	0			
7.6.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích	0.5			
	<i>Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên</i>	0.5			
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC</i>	0			
7.6.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được trả qua dịch vụ bưu chính công ích	0.5			
	<i>Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên</i>	0.5			
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC</i>	0			
7.7	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	3			
7.7.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa đầu vào TTHC (tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa đầu vào TTHC = Tổng số hồ sơ TTHC số hóa đầu vào TTHC/Tổng số hồ sơ của các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có quy định thực hiện số hóa đầu vào * 100%.)	1			
	<i>Từ 80% đến 100%</i>	1			
	<i>Từ 60% đến dưới 80%</i>	0.5			
	<i>Dưới 60%</i>	0			
7.7.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	<u>1</u>			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Từ 80% đến 100%</i>	<i>1</i>			
	<i>Từ 60% đến dưới 80%</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Dưới 60%</i>	<i>0</i>			
7.7.3	Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại sở, ban, ngành	1			
	<i>Từ 80% đến 100%</i>	<i>1</i>			
	<i>Từ 60% đến dưới 80%</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Dưới 60%</i>	<i>0</i>			
7.8	Công thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị cung cấp các thông tin theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ	0.5			
	<i>Các chuyên mục, kênh thông tin có trên trang thông tin điện tử cập nhật đầy đủ</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Không đầy đủ các chuyên mục, thông tin theo quy định</i>	<i>0</i>			
7.9	Triển khai “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” năm 2023 (gọi tắt là Đề án 06/CP)	1			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
	Thực hiện đảm bảo các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao năm 2024 tại Kế hoạch số 1080/KH-UBND ngày 17/2/2024 và văn bản của năm tiếp theo.	0.5			
	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ đảm bảo theo quy định.	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
8	TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	28			
8.1	Tác động của cải cách đến công tác chỉ đạo, điều hành	3			
8.1.1	Đánh giá vai trò của người đứng đầu huyện trong việc chỉ đạo, triển khai công tác cải cách hành chính tại huyện	1			
8.1.2	Đánh giá về tình hình tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của huyện	1			
8.1.3	Đánh giá về mức độ kịp thời, chủ động khi xử lý, giải quyết công việc của huyện theo yêu cầu của HĐND, UBND tỉnh, các sở, ngành thuộc UBND tỉnh (như việc trả lời văn bản; thực hiện báo cáo; phối hợp giải quyết công việc...)	1			
8.2	Tác động của cải cách đến chất lượng công tác xây dựng, triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	3			
8.2.1	Đánh giá về tính kịp thời trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại địa phương	1			
8.2.2	Đánh giá về mức độ hiệu quả, đồng bộ trong tổ chức thực hiện các văn bản QPPL tại địa phương	1			
8.2.3	Đánh giá về tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý, kiến nghị xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại địa phương	1			
8.3	Tác động của cải cách đến xây dựng tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	4			
8.3.1	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Chính phủ	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
8.3.2	Đánh giá về tính hợp lý phù hợp giữa chức năng, nhiệm vụ với cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị	1			
8.3.3	Kết quả ban hành và thực hiện quy chế làm việc, các quy chế nội bộ của UBND cấp huyện	1			
8.3.4	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện	1			
8.4	Tác động của cải cách trong việc cải cách chế độ công vụ	3			
8.4.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1			
8.4.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	0.5			
8.4.3	Tình trạng tiêu cực, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ, công vụ để trực lợi	0.5			
8.4.4	Văn hóa giao tiếp, ứng xử của công chức đối với công chức làm việc ở các cơ quan cùng cấp/cấp dưới	0.5			
8.4.5	Công tác bổ nhiệm, luân chuyển, điều động và phân công nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.5			
8.5	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	3			
8.5.1	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
8.5.2	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí	1			
8.5.3	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1			
8.6	Tác động của cải cách đến xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số	2			
8.6.1	Tính kịp thời và mức độ đầy đủ của các thông tin chuyên ngành được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị	1			
8.6.2	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị	1			
8.7	Điểm quy đổi từ điều tra sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS)	5			
8.8	Điểm quy đổi từ kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp huyện (DDCI)	5			
	ĐIỂM TỔNG CỘNG	100			